TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 178/2026/DS-PT
Ngày: 17-3-2026
V/v: "Tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thủy.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Hùng.

Bà Lê Thị Thọ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Chúc – Thẩm tra viên Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên trung cấp tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 03 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 140/2026/TLPT-DS ngày 16 tháng 01 năm 2026 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 85/2025/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9, thành phố Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 162/2026/QĐPT-DS ngày 04 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 204/2026/QĐ-PT ngày 04 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Phúc, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Ấp Chợ, xã Trần Đề (Xã Đại Ân 2 cũ), thành phố Cần Thơ, có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Quốc Dũng, sinh năm 1955.

Địa chỉ: Số nhà 249, Ấp Chợ, xã Trần Đề (Xã Đại Ân 2 cũ), thành phố Cần Thơ, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Quốc Phong, sinh năm 1983.

3.2. Bà Nguyễn Bích Phượng, sinh năm 1981.

3.3. Ông Nguyễn Văn Khanh, sinh năm 1987.

Cùng địa chỉ: Ấp Chợ, xã Trần Đề (Xã Đại Ân 2 cũ), thành phố Cần Thơ, vắng mặt.

3.4. Bà Tô Xiêu Khên, sinh năm 1964, có mặt.

Địa chỉ: Ấp Chợ, xã Trần Đề (Xã Đại Ân 2 cũ), thành phố Cần Thơ.

3.5. Bà Phạm Mỹ Phương, sinh năm 1987, có mặt.

3.6. Ông Phạm Phương Thanh, sinh năm 1992.

3.7. Ông Phạm Hoàng Duy, sinh năm 2001.

Cùng địa chỉ: Ấp Chợ, xã Trần Đề (Xã Đại Ân 2 cũ), thành phố Cần Thơ.

Đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Phương Thanh, Phạm Hoàng Duy: Bà Tô Xiêu Khên, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Ấp Chợ, xã Trần Đề (Xã Đại Ân 2 cũ), thành phố Cần Thơ, có mặt.

4. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn Phúc là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Trong đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai cũng như quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn Phúc trình bày:

Ông Phúc có quyền sử dụng diện tích 580m^2 đất thuộc thửa 832, tờ bản đồ số 01 tại ấp Chợ, xã Đại Ân 2, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng (Cũ) cấp ngày 20/8/1995. Nguồn gốc quyền sử dụng thửa đất do cha của ông là cụ Nguyễn Văn Ninh khai phá từ trên 100 năm. Cụ Ninh sử dụng đất để trồng lúa từ khi khai phá đến năm 1990, đúng năm 1990 sau khi cụ Ninh chết thì ông Dũng vào lấn chiếm để cất nhà ở. Năm 1991, ông làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh và vẫn quản lý đất nhưng không biết ông Dũng cất nhà.

Đến năm 1996, ông về thăm quê mới biết ông Dũng đã cất nhà trên đất; ngay thời điểm này, ông đã yêu cầu ông Dũng chỉ được cất nhà bằng cây, không được xây kiên cố. Tuy nhiên, ông Dũng không đồng ý, còn lấn chiếm rộng hơn, đến nay phần đất bị lấn chiếm có chiều ngang 8m, chiều dài 30m. Từ khi phát sinh tranh chấp, ông đã nhiều lần yêu cầu địa phương nhưng không được giải quyết, đến ngày 28/02/2024 mới được Ủy ban nhân dân xã Đại Ân 2 hòa giải nhưng không thành.

Về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông không đi đăng ký nhưng khoảng năm 1990 thì cán bộ địa chính xã có đến đo đất của gia đình ông để cấp giấy chứng

nhận, hẹn ông cứ đi làm ăn khi nào có Giấy chứng nhận thì về lấy. Năm 1996, ông về thăm nhà, được những người khác cho biết tất cả đã có Giấy chứng nhận nên ông mới đi nhận. Sau khi nhận Giấy chứng nhận, ông đã yêu cầu ông Dũng trả đất nhưng ông Dũng không trả với lý do là được bà Bảy Bú (Dì ruột của ông Dũng) cho từ năm 1990. Đến năm 1998, ông tiếp tục yêu cầu nhưng ông Dũng cũng không trả, chính quyền địa phương cũng không giải quyết tranh chấp nên kéo dài đến nay mới khởi kiện.

Về giao dịch giữa anh em ông với chồng của bà Khên là ông Phạm Chí Nguyện: Ông đã nhiều lần chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho nhiều người từ rất lâu, khi chuyển nhượng đều chỉ lập giấy viết tay vì chưa có Giấy chứng nhận. Ông không giữ lại giấy viết tay chuyển nhượng dù ai nhận chuyển nhượng cũng có giấy viết tay mới đăng ký được và đã có Giấy chứng nhận. Trong những người nhận chuyển nhượng có ông Nguyện đã nhận chuyển nhượng 02 lần, cũng chỉ được lập giấy viết tay. Tuy nhiên, ông không chuyển nhượng cho ông Nguyện thửa đất 1160 hiện nay; chỉ chuyển nhượng phần khác tại vị trí giáp lộ nhựa, phần này ông Nguyện cũng đã chuyển nhượng lại cho người khác. Do vậy, phần đất thuộc thửa 1160 hiện nay vẫn là của ông.

Ông thừa nhận việc ông Dũng chiếm đất từ năm 1990, yêu cầu gia đình ông Dũng với gia đình bà Khên phải tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng và cây trồng trên hai phần đất, cho ông xin lại quyền sử dụng đất tương ứng mà mỗi người đang sử dụng. Trường hợp phía ông Dũng với bà Khên muốn tiếp tục sử dụng đất, ông đề nghị ông Dũng trả giá trị quyền sử dụng đất cho ông số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) và bà Khên trả giá trị quyền sử dụng đất cho ông số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

Theo Tờ tường trình không đề ngày tháng năm, Biên bản lấy lời khai ngày 04/9/2024 cũng như quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn Quốc Dũng trình bày:

Phần đất ông Phúc kiện đòi theo đơn khởi kiện, có nguồn gốc của ông bà ngoại của ông chia cho dì ruột của ông là cụ Tô Thị Bảy (Cụ Bảy chết vào năm 2023). Từ năm 1990, ông được cụ Bảy cho lại phần đất này để cất nhà ở, thời điểm ông được cho thì đất này là chòm mả, rất trũng nên bốn bề ngập nước; hiện nay vẫn có mộ của ông bà nội ngoại, cha mẹ và vợ của ông. Ngay sau khi được chia đất, ông đã cải tạo nâng nền toàn bộ diện tích ngang khoảng 11m và dài 30m để cất nhà ở bằng cây, mái lá, vách lá từ năm 1990. Đến năm 2000, ông mới sửa chữa nhà bằng tường xây

gạch, mái lợp tôn theo đúng diện tích và vị trí nhà cũ. Suốt 35 năm sử dụng đất, ông Phúc không bao giờ có ý kiến phản đối. Đến cuối năm 2023, sau khi âm thầm bán hết đất cho người khác, thậm trí bán cả đất chòm mả cho người khác để mộ, ông Phúc mới đặt vấn đề đòi đất của ông. Do là đất của ông bà để lại, gọi là đất hương hỏa, dùng để mộ của gia đình và không hiểu biết pháp luật nên ông không quan tâm đến việc đăng ký, không biết ông Phúc được cấp Giấy chứng nhận.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Phúc, ông hoàn toàn không đồng ý. Nếu ông Phúc muốn xin đất, phải trả cho ông số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) để ông tạo lập chỗ ở mới. Ngoài ra, ông không có bất cứ yêu cầu gì khác.

Theo Biên bản lấy lời khai ngày 09/5/2025 (Bút lục 97) cũng như quá trình giải quyết vụ án (Bút lục 113, 138) và tại phiên tòa sơ thẩm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Tô Xiêu Khên và chị Phạm Mỹ Phương cùng trình bày:

Bà Khên có chồng là ông Phạm Chí Nguyện, sinh năm 1963; tuy nhiên, ông Nguyện đã chết vào năm 2015.

Từ năm 2000, vợ chồng bà Khên - ông Nguyện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất 1160, tờ bản đồ số 01 tại ấp Chợ, xã Đại Ân 2, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng (Cũ) do ông Nguyện đứng tên. Nguồn gốc quyền sử dụng đất do vợ chồng bà Khên nhận chuyển nhượng của hai anh em ông Nguyễn Văn Phúc (cùng họ tên) - con của cụ Nguyễn Văn Ninh, là người đứng tên Giấy chứng nhận của chế độ cũ; giá chuyển nhượng 40 chỉ vàng, mỗi ông Phúc chia 20 chỉ nhưng ông Phúc (Anh) chỉ lấy 19 chỉ vì hỗ trợ 01 chỉ để vợ chồng bà Khên nộp thuế đất. Vợ chồng bà Khên đã được cấp Giấy chứng nhận ngay sau khi nhận chuyển nhượng, đến năm 2004 thì chuyển nhượng lại một phần cho ông Dương Văn Ân; phần còn lại, vợ chồng bà Khên chỉ để đất trống và nay ông Phúc (Em) tranh chấp. Tại thời điểm nhận chuyển nhượng trên, vợ chồng bà Khên muốn mua phần giáp Huyện lộ 34 nhưng anh em ông Phúc cho rằng phần giáp lộ không nằm trong Giấy chứng nhận của cụ Nguyễn Văn Ninh mà thuộc quyền của bà Tô Thị Bảy cho ông Nguyễn Quốc Dũng nên không bán được phần đó.

Nay, ông Phúc khởi kiện ông Dũng, đòi lại đất có cả phần mà vợ chồng bà Khên đã nhận chuyển nhượng từ hơn 20 năm thì bà Khên với chị Phương hoàn toàn không đồng ý. Bà Khên cùng chị Phương chỉ không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn Phúc đối với diện tích đất thuộc quyền sử dụng của gia đình bà Khên tại thửa 1160, không có yêu cầu gì khác và xuất trình Tờ sang bán nền nhà, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để chứng minh.

Tại bản án sơ thẩm số 85/2025/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực 9, thành phố Cần Thơ tuyên xử như sau:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Phúc đối với ông Nguyễn Quốc Dũng và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất" có đặc điểm, diện tích, vị trí theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ được nêu tại Căn cứ thứ nhất trong Mục [2] Phần Nhận định của Tòa án tại Bản án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, án phí sơ thẩm, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Phúc có đơn kháng cáo đối với bản án dân sự sơ thẩm. Yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ Bản án sơ thẩm số 85/2025/DS-ST ngày 19/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Cần Thơ theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Quốc Dũng trả lại phần đất diện tích 138,3m^2 thuộc thửa đất số 1098 tọa lạc tại ấp Chợ, xã Trần Đề, thành phố Cần Thơ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Phúc vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu ông Nguyễn Quốc Dũng tháo dỡ toàn bộ công trình kiến trúc trên đất và trả lại phần đất diện tích 138,3m^2 thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Phúc.

Bị đơn Nguyễn Quốc Dũng không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, phần đất này gia đình ông Dũng đã cất nhà kiên cố và trồng cây lâu năm trên 35 năm nay, không ai ngăn cản hay tranh chấp gì. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tô Xiêu Khên yêu cầu Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phúc, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ giai đoạn thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tiến hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá toàn diện các chứng cứ có trong vụ án một cách khách quan. Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Sau khi xét xử sơ thẩm nguyên đơn có đơn kháng cáo đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được xem là hợp lệ và được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết là đúng theo các quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Đối với kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Văn Phúc, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Phần đất và tài sản gắn liền trên đất đang tranh chấp được các đương sự thống nhất theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 19/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện Trần Đề (bút lục:77) và Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 05/6/2026 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Trần Đề (bút lục 194), thể hiện phần đất ông Dũng đang sử dụng có diện tích 138,3m^2 tại thửa 1098, trên đất ông Dũng có cất nhà và trồng cây lâu năm.

[2.2]. Căn cứ văn bản số 1452/VP-TD ngày 05/7/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Trần Đề (Bút lục 45), Văn bản số 320/PTNMT ngày 22/7/2024 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Trần Đề (Bút lục 50), Văn bản số 500/CV-CNTĐ ngày 08/8/2024 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Sóc Trăng - Chi nhánh huyện Trần Đề (Bút lục 58), xác định: Qua kiểm tra hồ sơ lưu trữ và cơ sở dữ liệu, xác định không có hồ sơ cấp Giấy chứng nhận số E 013456 đối với thửa 832, tờ bản đồ số 01 tại ấp Chợ, xã Đại Ân 2 (Cũ) cho ông Nguyễn Văn Phúc.

[2.3]. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Phúc và ông Dũng đều thừa nhận nguồn gốc quyền sử dụng đất thửa 1098 và 832 đều được ông bà nội của ông Phúc (ông bà ngoại của ông Dũng) khai phá từ hàng trăm năm trước. Đối với thửa 1098 thì ông Dũng sử dụng từ năm 1990 đến nay, quá trình sử dụng đất có cất nhà và trồng cây lâu năm, nhưng ông Dũng chưa làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Đối với thửa 832 thì năm 1995 ông Phúc được UBND huyện Long Phú cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (không có thửa 1098). Do đó, việc ông Phúc khởi kiện cho rằng phần đất ông Dũng đang sử dụng thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông và yêu cầu ông Dũng trả lại đất là không có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp.

[2.4]. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn cho rằng khi ông Dũng cất nhà thì phía ông có ngăn cản và báo chính quyền địa phương nhưng chính quyền địa phương không giải quyết nhưng ông không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình; Mặt khác, lời trình bày của ông Phúc cũng bị mâu thuẫn khi vừa thừa nhận ông Dũng sử dụng đất từ năm 1990, khi lại khai là ông có quản lý và sử dụng phần đất này, do ông ở thành phố làm ăn nhưng vẫn đi lên xuống sử dụng đất trồng lúa, trồng mía (bút lục:184). Do đó, lời trình bày trên của ông Phúc không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

[3]. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng quy định tại khoản 3 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 xác định ông Phúc phải chịu án phí có giá ngạch đối với yêu cầu trả giá trị trên phần đất không được chấp nhận là 9.183.900 đồng là chưa phù hợp mà phải áp dụng điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 " *Trường hợp tranh chấp về quyền sở hữu tài sản và tranh chấp về quyền sử dụng đất mà Tòa án không xem xét giá trị, chỉ xem xét quyền sở hữu tài sản và tranh chấp về quyền sử dụng đất của ai thì đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như đối với trường hợp vụ án không có giá ngạch.* Trong vụ án này, đương sự yêu cầu Tòa án xác định phần đất đang tranh chấp là của ai nên chỉ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch. Do ông Phúc là người cao tuổi, có đơn đề nghị miễn tiền án phí và được chấp nhận, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết 326 nêu trên miễn nộp tiền án phí cho ông Phúc, vì vậy được Hội đồng xét xử điều chỉnh cho phù hợp với quy định pháp luật.

[4]. Từ những nhận định trên, xét thấy nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu gì mới có giá trị pháp lý nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

[5]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo là người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn tiền án phí và được chấp nhận nên được miễn theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Phúc.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 85/2025/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Phúc về việc yêu cầu bị đơn Nguyễn Quốc Dũng tháo dỡ công trình kiến trúc trên đất và trả lại phần đất lấn chiếm.

2. Về chi phí tố tụng và án phí:

Chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn Phúc phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền là 3.531.903 đồng (*Ba triệu năm trăm ba mươi mốt nghìn chín trăm linh ba đồng*). Đã nộp xong.

Án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Phúc là người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn tiền án phí nên được miễn nộp theo quy định pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án, ngày 17 tháng 3 năm 2026.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Cần Thơ;
- THADS TP. Cần Thơ;
- Tòa án nhân dân KV 9 – Cần Thơ;
- Phòng THADS KV 9 – Cần Thơ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Đào Thị Thủy